TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 3 - 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Phượng;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 263/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2023 về việc "tranh chấp Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Chí T, sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: Hòm thư 7NT, 247, Lữ đoàn 6, quân khu I, Quốc lộ I, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; là nguyên đơn.

-Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: số G, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Đào Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H do quen biết sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Qúa trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, bà H và gia đình, có lời lẻ sỉ nhục và không tôn trọng ông. Mâu thuẫn kéo dài một thời gian, không có giải pháp tháo gỡ, ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Do đó ông yêu cầu ly hôn với bà H vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai.

Về con chung: Ông bà có một con chung Đào Thị Minh T1, sinh ngày 01/4/2007. Con chung có ý kiến sống chung với bà H nên ông để bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng/ tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng bà H trình bày ông chỉ còn nợ bà H số tiền 40.000.000đồng, không nợ số tiền 156.000.000đồng như bà H trình bày. Tuy nhiên, ông không tranh chấp trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với ông T về thời gian quen biết, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T bỏ gia đình ra đi và có người phụ nữ khác, khi nhậu say về thì có lời lẽ không tốt đối với bà và gia đình bà, có lúc ông T đánh đập bà. Ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2019. Qua yêu cầu ly hôn của ông T bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nhưng bà không đồng ý ly hôn do ông T còn nợ riêng bà số tiền 156.000.000đồng, khi nào ông T trả số tiền này cho bà thì bà mới đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà xác định bà không tranh chấp số tiền 156.000.000đồng trong vụ án này, nếu có tranh chấp bà sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Về con chung: Ông bà có một con chung Đào Thị Minh T1, sinh ngày 01/4/2007. Bà sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đồng, cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng ông T và bà H không hòa giải được với nhau. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- *Nguyên đơn, ông Đào Chí T yêu cầu:* Vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án về hôn nhân, con chung và tài sản chung nợ chung.

Về cấp dưỡng: Ông xin thay đổi ý kiến, đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn do còn tình cảm nhưng không muốn đoàn tụ, chỉ đồng ý ly hôn khi con chung vào học đại học và ông T trả cho bà số tiền còn nợ 156.000.000đồng. Tuy nhiên bà xác định không tranh chấp và giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết thành một vụ án khác.

Về con chung: Thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Về cấp dưỡng thống nhất với mức cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T vẫn cương quyết ly hôn, phía bà H cũng không muốn đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: cháu Đào Thị Minh T1, sinh ngày 01/4/2007 hiện sống với bà H, bà H yêu cầu nuôi con, do đó để ổn định về mọi mặt cho cháu đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự thoả thuận của ông T và bà H về tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.500.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung và nợ chung: Do không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đào Chí T và bà Nguyễn Thị Kim H kết hôn có đăng ký kết hôn; ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, bà H có hộ khẩu thường trú trên địa bàn C nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 17/5/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn ông T cho rằng do gia đình bà H và bà H không tôn trọng ông, mâu thuẫn kéo dài không có giải pháp hàn gắn. Phía bà H cho rằng do ông T có người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo cho gia đình, bà nhận thấy còn tình cảm nhưng không muốn đoàn tụ với ông T.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách. Đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc, giữa ông T và bà H tự nguyện tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không quan tâm, tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Mặc dù được hòa giải, động viên nhưng ông bà không đồng ý tạo thêm cơ hội cho nhau để hàn gắn, gia đình đoàn tụ. Thời gian qua và tại phiên toà, ông T bà H cũng thừa nhận cả hai không cải thiện được tình cảm vợ chồng, không thể hòa giải, tìm giải pháp tháo gỡ bất hòa, cả hai đều không muốn đoàn tụ. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Chí T được ly hôn bà Nguyễn Thị Kim H.

[2.2] Trong quá trình giải quyết, bà H có ý kiến cho rằng khi nào ông T trả cho bà số tiền 156.000.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng) thì bà mới đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình Toà án giải quyết vụ án, cả ông T và bà H xác định không tranh chấp và yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về con chung: Cháu Đào Thị Minh T1, sinh ngày 01/4/2007 có nguyện vọng được chung sống với bà H, bà H trình bày từ đó đến nay đều do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử giao quyền cho bà H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Do đó, bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ông T và bà H thoả thuận thống nhất mỗi tháng ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con 3.500.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử xét thấy, sự thoả thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận theo khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề về tài sản chung và nợ chung nếu sau này các ông bà có tranh chấp, có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình, án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Ông T, bà H được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 19; 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Chí T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Về con chung: Ông Đào Chí T và bà Nguyễn Thị Kim H có một con chung Đào Thị Minh T1, sinh ngày 01/4/2007.

Bà Nguyễn Thị Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Đào Thị Minh T1, sinh ngày 01/4/2007. Bà Nguyễn Thị Kim H và các thành viên gia đình không được cản trở ông Đào Chí T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Đào Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đào Thị Minh T1, sinh ngày 01/4/2007 với mức cấp dưỡng 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T1 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nêu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Đào Chí T phải chịu 300.000(ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) áp phí về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Toà án số 0004467 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Ông T phải nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Đào Chí T, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H Châu Thành;
- UBND thị trấn An Châu.
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Xuân Bích

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA